TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2026/QĐST-HNGĐ	*Hưng Yên, ngày 06 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 355/2025/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 12 năm 2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Lương Thị Thanh T, sinh năm 1998;

Nơi đăng ký HKTT: Thôn T, xã Q, tỉnh Hưng Yên;

Chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã C, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh Lê Đức Kh, sinh năm 2000;

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, tỉnh Hưng Yên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Lê Tâm Nh, sinh ngày 10/4/2020;

Nơi đăng ký HKTT: Thôn T, xã Q, tỉnh Hưng Yên;

Chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã C, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật của cháu Nh: Chị Lương Thị Thanh T và anh Lê Đức Kh là bố mẹ đẻ của cháu Nh.

Căn cứ vào các điều 212, 213, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về mức án phí, lệ phí;

Căn cứ vào các điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26/12/2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26/12/2025 là hoàn T tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lương Thị Thanh T và anh Lê Đức Kh.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể Nh sau:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị Thanh T và anh Lê Đức Kh thoả thuận nhất trí thuận tình ly hôn.

* Về con chung: Chị Lương Thị Thanh T và anh Lê Đức Kh xác nhận, vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Tâm Nh, sinh ngày 10/4/2020. Ly hôn, chị T và anh Kh thỏa thuận thống nhất giao cháu Nh cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ tháng 12/2025 cho đến khi cháu Nh đủ 18 tuổi. Chị T và anh Kh thỏa thuận, anh Kh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Sau khi ly hôn, anh Lê Đức Kh được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Để bảo đảm quyền lợi của con chung, chị T, anh Kh có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

* Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Chị Lương Thị Thanh T và anh Lê Đức Kh đều có chung quan điểm xác định, anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Về án phí: Chị Lương Thị Thanh T và anh Lê Đức Kh thỏa thuận thống nhất, chị T tự nguyện nhận chịu T bộ 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn Nhng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BLTU/25E/0004167 ngày 19/12/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Hưng Yên. Chị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn. Hoàn trả chị Lương Thị Thanh T 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 1 - Hưng Yên;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Phòng THADS khu vực 1 - Hưng Yên;
- UBND xã C, GCNKH số 39/2020,
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Mạnh Quyền